

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2022/HS-ST
Ngày 30/8/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Quốc Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Thế Hạp và ông Phương Văn Tư.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng đã tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 83/2022/TLST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2022/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Nông Đình L; Giới tính: Nam; Sinh ngày 01 tháng 8 năm 1993 tại huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh C; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nông Đình N và bà Nông Thị D; Vợ: Nông Thị C, sinh năm 1995; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2016; con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 11/3/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. *Có mặt.*

- **Bị hại:** bà Nông Thị Đ, sinh năm 1972; Địa chỉ: xóm Bản Mom, xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. *Có mặt.*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nông Thị D, sinh năm 1964; *Có mặt.*

2. Chị Nông Thị B, sinh năm 1991; *Có mặt.*

Cùng địa chỉ: xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh C.

- Người làm chứng:

Anh Nông Đình T, sinh năm 1990. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại

phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoản 22 giờ ngày 09 tháng 3 năm 2022, Nông Đình L, sinh năm 1993, trú tại xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh C đang ở nhà thì lên con nghiện ma túy nhưng không có tiền mua nên nảy sinh ý định đến nhà bà Nông Thị Đ, trú cùng xóm để trộm cắp tài sản. L lấy một con dao cán màu vàng xanh, cho vào túi áo khoác mang theo, quan sát thấy trong nhà bà Đ đã tắt điện. L bật chế độ đèn pin trên điện thoại để soi đường đi đến cửa nhà bếp. Sau đó, L đi lên nhà chính để lục lọi tìm tài sản nhưng không thấy đồ vật gì có giá trị để lấy.

L tiếp tục đi vào phòng ngủ bà Đ để lục lọi tìm kiếm. Thấy bà Đ đang ngủ trên giường L nảy sinh ý định cướp tài sản nên đi ra phòng khách, lấy một cái giẻ lau rồi quay lại chỗ bà Đ đang ngủ. L dùng tay phải bịt miệng bà Đ bằng giẻ lau nhưng không được vì bà Đ xoay người lại. Bà Đ hét lên kêu cứu. L dùng tay trái vừa cầm điện thoại vừa giữ tay phải bà Đ, tay phải L rút con dao trong túi áo khoác kè vào cổ bà Đ và nói: “Cướp, đưa tiền đây”. Bà Đ không đưa. Hai người vật lộn trên giường. L dùng tay phải tiếp tục kè dao vào cổ, tay trái sờ tìm đồ vật trên người bà Đ. Thấy tay phải bà Đ đang cầm một túi vải, L nghĩ bên trong có tiền nên đã giật lấy túi vải rồi chạy ra cửa sau. L chạy vào trong xóm, đi đến đầu cầu B mới dừng lại, mở túi vải ra xem. Thấy có tiền nhiều mệnh giá khác nhau và một tờ giấy đăng ký xe máy, một mảnh giấy trắng ghi số điện thoại, L mở túi lấy tiền rồi rút chiếc túi có giấy đăng ký xe máy, mảnh giấy ghi số điện thoại xuống cầu B. Sau đó, Nông Đình L lấy 1.500.000 đồng rồi gọi cho Nông Đình T dùng xe máy đưa đi mua ma túy về sử dụng.

Sau khi về đến nhà, Nông Đình L lấy số tiền còn lại ra đếm được 6.501.000 đồng. L giấu 6.000.000 đồng vào trong cái loa và cất trong phòng ngủ, còn 501.000 đồng L cho vào túi quần để sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân.

Ngày 10/3/2022, bà Nông Thị Đ đã trình báo vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp người, chỗ ở của Nông Đình L. Kết quả khám xét thu giữ được 02 (hai) con dao gọt hoa quả, 01 (một) con dao có cán màu xanh vàng, 01 (một) con dao cán màu xanh lam; 02 (hai) bộ quần áo màu nâu; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone và 347.000 đồng. Đồng thời đưa Nông Đình L về Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh để làm việc. Tại đây, L khai nhận toàn bộ hành vi cướp tài sản của mình và nơi cất giấu tiền vật chứng vụ án.

Ngày 11/3/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh tiến hành khám nghiệm hiện trường cho Nông Đình L xác định vị trí cướp tài sản và nơi cất giấu tiền vật chứng vụ án. Kết quả, đã thu giữ được 6.000.000 đồng bên trong chiếc loa tại phòng ngủ nhà Nông Đình L. Ngoài ra, còn tạm giữ 01 (một) chiếc áo khoác màu đen liền mũ; 01 (một) chiếc loa.

Quá trình điều tra, bà Nông Thị Đ giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 (một) giẻ lau có dính giấy vệ sinh là vật chứng L dùng để bịt miệng bà Đ khi cướp tài sản và 15.000.000 đồng là tiền của gia đình Nông Đình L mang đến để trả cho bà Đ.

Tại Cơ quan điều tra, Nông Đình L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản làm việc; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Biên bản khám xét; Biên bản xác định vị trí; Sơ đồ hiện trường; Biên bản xác định hung khí L dùng để cướp tài sản; Biên bản ghi lời khai của bị hại và những người liên quan.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh tiến hành lấy lời khai người bị hại và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, thực nghiệm điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại 15.000.000 đồng - Đây là số tiền sau khi biết L có hành vi cướp tiền nên Nông Thị B – chị gái L đã mang đến trả cho bà Đ; hai chiếc áo khoác tối màu, một con dao cán màu xanh lam – là những vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội cho bà Nông Thị B là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 87/CT-VKSTK, ngày 04 tháng 8 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Nông Đình L về tội “*Cướp tài sản*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận Cáo trạng phản ánh đúng diễn biến hành vi phạm tội, việc truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Bị cáo nhận thức được hành vi đã thực hiện là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị hại Nông Thị Đ trình bày: Khoảng 22 giờ ngày 09/3/2022, bà Đ đang ngủ ở nhà tại xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh C thì bị cáo Nông Đình L, cùng xóm đột nhập vào nhà và dùng dao đe dọa cướp số tiền 15.000.000 đồng bà Đ để trong người rồi bỏ chạy. Bà yêu cầu L bồi thường số tiền 15.000.000 đồng đã cướp được; về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nông Thị B trình bày: khoảng 19 giờ 00 ngày 10/3/2022, sau khi biết em trai tôi là Nông Đình L có hành vi cướp tiền của bà Nông Thị Đ, tôi có một mình đến nhà bà Đ để trả lại số tiền 15.000.000 đồng nhằm khắc phục thiệt hại mà L gây ra. Ngày 15/6/2022, tôi đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện

Trùng Khánh trả lại: Số tiền 15.000.000 đồng; 02 (hai) chiếc áo khoác tối màu; 01 (một) con dao có cán màu xanh lam. Tôi không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa bà Nông Thị D trình bày: Tôi là mẹ đẻ của L, ngày 10/3/2022, L không đưa tiền cho tôi. Sau khi biết L cướp tiền của bà Đ tôi đã nói chuyện với con gái Nông Thị B – là chị gái L để đi hỏi bà Đ xem số tiền bị cướp là bao nhiêu. Sau đó, B đã mang số tiền 15.000.000 đồng đi trả cho bà Đ. Nhưng trong quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trả lại số tiền này cho Nông Thị B.

Tại phiên tòa anh Nông Đình T vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra đã được lấy lời khai, tại biên bản lấy lời khai anh T trình bày: khoảng 23 giờ ngày 09/3/2022, L có gọi điện cho tôi nói: “anh có xe đón em, em không có xe đi ra đây”. Sau đó, tôi có đón L tại đầu cầu xóm B đến khu vực chợ B, xã Đ. L có đưa cho tôi số tiền 1.500.000 đồng để mua ma túy nhưng do tôi không biết chỗ mua nên L đã tự đi mua rồi cùng nhau sử dụng ma túy. L có nói với tôi số tiền mua ma túy là do vợ cho 1.000.000 đồng, vay bạn 500.000 đồng. Tôi không biết rõ nguồn gốc số tiền L sử dụng mua ma túy và không biết L đi mua ma túy với ai. Tôi không có yêu cầu gì thêm.

Tại phần kết luận và tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh vẫn giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nông Đình L phạm tội “Cướp tài sản”. Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Đình L mức án từ 06 (sáu) năm đến 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị:

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao kích thước (20x02) cm, có cán nhựa màu xanh vàng; 01 chiếc áo khoác màu đen liền mũ; 01 giẻ lau – Là công cụ, phương tiện phạm tội của bị cáo.

Tịch thu, phát mại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone và 01 chiếc loa màu đen – Là công cụ, phương tiện phạm tội của bị cáo.

Trả lại cho bị hại Nông Thị Đ số tiền: 6.347.000 đồng.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo trả lại toàn bộ số tiền 15.000.000 đồng mà bị cáo đã cướp. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo chỉ thừa nhận được cướp số tiền là 8.001.000 đồng. Nhưng giữa bị cáo và bị hại đã tự thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại số tiền 15.000.000 đồng, quá trình điều tra đã thu giữ được số tiền 6.347.000 đồng; Bị cáo L còn phải trả cho bị hại số tiền 8.653.000 đồng. Xác nhận giữa bị cáo và bị hại đã giao, nhận đủ số tiền cho nhau tại phiên tòa.

- Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng;

- Về án phí: Buộc bị cáo L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Khi nói lời sau cùng bị cáo không có ý kiến gì.

Bị hại không có gì cần tranh luận với phần luận tội của Viện kiểm sát. Ngoài ra bị hại có lời xin được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo, các yếu tố cấu thành tội phạm: Tại phiên tòa bị cáo nhận tội, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xác định:

Khoảng 22 giờ ngày 09 tháng 3 năm 2022, tại nhà riêng của bà Nông Thị Đ tại xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh C, Nông Đình L đã có hành vi dùng dao đe dọa thực hiện hành vi cướp số tiền 8.001.000 đồng của bà Nông Thị Đ. Mục đích cướp tài sản là lấy tiền mua ma túy sử dụng và tiêu sài cá nhân.

Do vậy, bản Cáo trạng truy tố bị cáo Nông Đình L về tội “*Cướp tài sản*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

“Điều 168. Tội cướp tài sản:

1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

d) *Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác;*”

Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cướp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng do coi thường pháp luật nên đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo đã đe dọa đến tính mạng của người khác, trực tiếp xâm phạm đến quyền tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương và gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân nên phải bị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần

phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tiếp tục cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bản thân và đấu tranh phòng ngừa chung.

Đối với việc đi mua ma túy về sử dụng của Nông Đình L và Nông Đình T. Khi Cơ quan Cảnh sát điều tra khám xét người và chỗ ở không thu được ma túy. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh không xử lý Nông Đình L và Nông Đình T về tội tàng trữ trái phép chất ma túy là đúng quy định pháp luật.

Đối với người bán ma túy, Nông Đình L khai mua với một người không biết tên, lai lịch ở khu vực chợ B, xã Đ, huyện T, tỉnh C nên không có căn cứ mở rộng vụ án.

[3]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Trước khi phạm tội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tại phiên tòa bị cáo và bị hại đã tự thỏa thuận và bồi thường số tiền thiệt hại ngay tại phiên tòa, ngoài ra người bị hại có yêu cầu giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo và bị cáo đang sinh sống tại xóm B, xã Đ là nơi có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó, bị cáo được áp dụng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tình tiết tăng nặng: Không có.

[4]. Mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo Nông Đình L mức án từ 06 (sáu) năm đến 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù.

Bị cáo có ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 (điểm b, s) và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Căn cứ vào khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xét thấy bị cáo có đủ điều kiện áp dụng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. Hội đồng xét xử, xét thấy mức đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên được chấp nhận.

[5]. Về xử lý vật chứng vụ án:

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao kích thước (20x02) cm, có cán nhựa màu xanh vàng; 01 chiếc áo khoác màu đen liền mũ; 01 giẻ lau – Là công cụ, phương tiện phạm tội của bị cáo.

Tịch thu, phát mại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone và 01 chiếc loa màu đen – Là công cụ, phương tiện phạm tội của bị cáo.

Trả lại cho bị hại Nông Thị Đ số tiền: 6.347.000 đồng.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo trả lại toàn bộ số tiền 15.000.000 đồng mà bị cáo đã cướp. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo chỉ thừa nhận được cướp số tiền là 8.001.000 đồng. Nhưng giữa bị cáo và bị

hại đã tự thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại số tiền 15.000.000 đồng, quá trình điều tra đã thu giữ được số tiền 6.347.000 đồng; Bị cáo L còn phải trả cho bị hại số tiền 8.653.000 đồng. Giữa bị cáo và bị hại đã giao, nhận đủ số tiền cho nhau tại phiên tòa theo giấy Biên nhận tiền ngày 30/8/2022. Xét thấy đây là sự thỏa thuận tự nguyện giữa bị cáo và bị hại, việc thỏa thuận không vi phạm pháp luật và đạo đức xã hội nên cần ghi nhận sự thỏa thuận trên.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo làm nghề trồng trọt không có việc làm và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9]. Về án phí: Bị cáo Nông Đình L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[10]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nông Đình L** phạm tội “*Cướp tài sản*”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nông Đình L** 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 11/3/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: Giữa bị cáo và bị hại đã tự thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại. Xác nhận bị cáo đã bồi thường đủ số tiền 8.653.000đ (Tám triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn đồng) cho bị hại, theo giấy Biên nhận tiền ngày 30/8/2022.

4. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao kích thước (20x02) cm, có cán nhựa màu xanh vàng; 01 chiếc áo khoác màu đen liền mũ; 01 giẻ lau – Là công cụ, phương tiện phạm tội của bị cáo.

Tịch thu, phát mại: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone và 01 chiếc loa màu đen – Là công cụ, phương tiện phạm tội của bị cáo.

Trả lại cho bị hại Nông Thị Đ số tiền: 6.347.000 đồng (Sáu triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Xác nhận số vật chứng trên đang được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, theo biên bản giao vật chứng ngày 08/8/2022.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số: 326/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Nông Đình L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng; PKTNV
Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Công an huyện, Trại tạm giam;
- Bị cáo, bị hại; Người có QLNVLQ;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở tư pháp Cao Bằng;
- UBND xã Đàm Thủy;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Quốc Hùng

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nông Thế Hạp

Phương Văn Tư

Nông Quốc Hùng